

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 16-9-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Trọng Nhơn;

Ông Đặng Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty P (viết tắt: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thương mại P, Công ty P).

Địa chỉ: Đường 200, Thôn M, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Q – Giám Đốc (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Đình V, sinh năm 1985 và ông Lê Thanh L, sinh năm 1997 (*Hợp đồng ủy quyền đề ngày 10/7/2021, ông V có mặt, ông L vắng mặt*).

Cùng nơi cư trú: Số 105 Nguyễn X, phường H, quận T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại T Cà Mau (viết tắt: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau, Công ty T).

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Phạm Đình V trình bày yêu cầu:

Theo Hợp đồng thuê cừ Larsen số: 12.12.2018/HĐTT giữa Công ty P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại T Cà Mau, biên bản giao nhận vật tư, bảng khối lượng giá trị cho thuê và biên bản xác nhận đối chiếu công nợ thì Công ty P đã cho Công ty T thuê cọc cừ Larsen IV 76.1kg/md, thép hình để thi công. Tổng giá trị thuê cừ là 362.559.600 đồng trong thời hạn 04 tháng, nếu thời hạn thuê từ 05 tháng trở lên thì tính giá cho thuê là 600đ/kg, tổng giá trị cho thuê cừ, thép và thi công đóng nhô cừ sau 10 đợt tính đến ngày 30/10/2019 là 985.477.041 đồng theo biên bản xác nhận đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018, từ ngày 15/12/2018 đến 30/10/2019 Công ty T đã tạm ứng cho Công ty P số tiền 520.146.680 đồng, số tiền còn nợ lại là 465.330.361 đồng. Công ty P yêu cầu thanh toán nợ nhiều lần nhưng Công ty T không thực hiện.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty P buộc Công ty T phải thanh toán tổng số tiền 546.763.174 đồng, trong đó nợ gốc là 465.330.361 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/7/2021 là 81.432.813 đồng (áp dụng lãi 10%/năm).

Đối với bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại T Cà Mau: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại T Cà Mau vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ông Phạm Đình V trình bày: Vẫn bảo lưu quan điểm khởi kiện của nguyên đơn. Từ sau ngày 29/6/2019 đến ngày 03/01/2020, phía Công ty T có hợp đồng thuê thêm cừ nên tổng số tiền thuê tăng lên trên 01 tỷ đồng, ngày 03/3/2020 các bên có đối chiếu công nợ thì Công ty T còn nợ lại Công ty P số tiền 428.860.032 đồng. Nay Công ty P yêu cầu Công ty T phải nợ gốc là 428.860.032 đồng, lãi phát sinh (áp dụng lãi 10%/năm) tính từ ngày 04/3/2020 đến ngày 16/9/2022 là 107.215.000 đồng (tính tròn) và lãi suất đến thời điểm tất toán món nợ. Từ ngày 29/6/2019 các bên đã đối chiếu công nợ và Công ty P đã yêu cầu Công ty T thanh toán nhưng phía Công ty T xin giãn thời gian trả nợ, đến ngày 03/03/2020 thì các bên mới tiếp tục đối chiếu công nợ lần thứ hai, do phía Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty P yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi suất kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

- Bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại T Cà Mau: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thương mại P buộc Công

ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau thanh toán nợ gốc là 428.860.032 đồng, lãi phát sinh (áp dụng lãi 10%/năm) tính từ ngày 04/3/2020 đến ngày 16/9/2022 là 107.215.000 đồng (tính tròn), Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty P được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn - Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thương mại P khởi kiện Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ. Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 4 Luật thương mại sửa đổi năm 2017, Điều 472 Bộ luật dân sự; bị đơn Công ty T có địa chỉ tại khóm 8, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty T.

[2] Về nội dung vụ án.

Công ty P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại T Cà Mau đã ký kết hợp đồng thuê cừ Larsen số: 12.12.2018/HĐTT ngày 12/12/2018, theo đó Công ty P đã cho Công ty T thuê cọc cừ Larsen IV 76.1kg/md, thép hình để thi công. Quá trình giao dịch Công ty T chỉ tạm ứng được một phần tiền thuê tài sản, đến ngày 03/3/2020 còn nợ lại số tiền 428.860.032 đồng, Công ty P yêu cầu thanh toán nợ nhiều lần nhưng Công ty T không thực hiện nên các bên xảy ra tranh chấp.

*** Xét hợp đồng thuê tài sản:**

Ngày 12/12/2018, sau quá trình thỏa thuận thống nhất, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thương mại P và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau đã ký kết hợp đồng thuê cừ Larsen số: 12.12.2018/HĐTT ngày 12/12/2018, quá trình giao dịch các bên có ký xác nhận trong biên bản giao nhận vật tư (bút lục 17 – 26), bảng khối lượng giá trị cho thuê (bút lục 29 -44), cam kết thanh toán ngày 05/7/2019 và 05 biên bản xác nhận đối chiếu công nợ (từ bút lục 45 – 56), các hóa đơn giá trị gia tăng (bút lục 04 – 15) theo đó Công ty P đã cho Công ty T thuê cọc cừ Larsen IV 76.1kg/md, thép hình để thi công. Tổng giá trị thuê cừ là 362.559.600 đồng trong thời hạn 04 tháng, nếu thời hạn thuê từ 05 tháng trở liên thì tính giá cho thuê là 600đ/kg, tổng giá trị cho thuê cừ, thép và thi công đóng nhô cừ nhiều đợt tính đến ngày 03/3/2020 là 1.029.006.712 đồng. Theo biên bản xác nhận đối chiếu công nợ ngày 03/3/2020 thì từ ngày 15/12/2018 đến 03/3/2020 Công ty T đã tạm ứng cho Công ty P số tiền 600.146.680 đồng, số tiền còn nợ lại là 428.860.032 đồng. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên Công ty P khởi kiện buộc Công ty T phải thanh toán số tiền thuê tài sản toàn tổng cộng là

536.075.032 đồng, trong đó nợ gốc là 428.860.032 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 16/9/2022 (áp dụng lãi 10%/năm) là 107.215.000 đồng (tính tròn).

Đối với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc ký kết hợp đồng thuê tài sản giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

* Xét yêu cầu thanh toán nợ của Công ty P.

Quá trình thực hiện hợp đồng thuê cừ, Công ty P xác định phía với Công ty T không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, các khoản nợ đã quá lâu. Công ty P có đơn đốc, nhắc nhở nhưng Công ty T vẫn không thanh toán nợ (bút lục 27), nay Công ty P yêu cầu Công ty T thanh toán tổng khoản nợ là 536.075.032 đồng, trong đó nợ gốc là 428.860.032 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 16/9/2022 (áp dụng lãi 10%/năm) là 107.215.000 đồng và lãi suất đến thời điểm tất toán món nợ. Mức lãi suất mà nguyên đơn đặt ra thấp hơn số tiền tính được theo lãi suất 10%/năm là 1.310.412 đồng (*từ ngày 04/3/2020 đến 16/9/2022 = 02 năm 06 tháng 11 ngày = 108.525.412 đồng*) nhưng phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty T không có ý kiến phản hồi và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc thanh toán số nợ nêu trên nên Công ty T phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Xét thấy, Công ty T đã vi phạm hợp đồng thuê tài sản đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, vì vậy ngoài khoản nợ gốc 428.860.032 đồng mà Công ty T phải thanh toán cho phía Công ty P thì cần phải buộc Công ty T thanh toán về khoản lãi là 107.215.000 đồng và lãi suất đến thời điểm tất toán món nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 472, Điều 481 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày Công ty P có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp Công ty T chậm thanh toán cho Công ty P số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty T còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Mặc dù, tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2021, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền thuê tài sản còn nợ tổng là 546.763.174 đồng, trong đó nợ gốc là 465.330.361 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/7/2021 là 81.432.813 đồng (áp dụng lãi 10%/năm). Nhưng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là chỉ buộc Công ty T phải có trách nhiệm trả tổng số tiền 536.075.032 đồng, trong đó nợ gốc là 428.860.032 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 16/9/2022 (áp dụng lãi 10%/năm) là 107.215.000 đồng, việc thay đổi một phần yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về án phí tranh chấp về kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty P được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty P không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của kiểm sát viên có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 472, 468, 481 Bộ luật dân sự; Điều 4 Luật thương mại (sửa đổi năm 2017); Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thương mại P. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau phải thanh toán cho Công ty P tổng số tiền của hợp đồng thuê tài sản còn nợ là 536.075.032 đồng (*năm trăm ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm ba mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 428.860.032 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 16/9/2022 (áp dụng lãi 10%/năm) là 107.215.000 đồng (*tính tròn*).

Kể từ ngày Công ty P có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp Công ty T chậm thanh toán cho Công ty P số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty T còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

- Về án phí: Án phí tranh chấp về kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T Cà Mau phải chịu án phí với số tiền 25.443.000 đồng.

Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thương mại P không phải chịu án phí sơ thẩm. Ngày 24 tháng 8 năm 2021 Công ty P đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 12.935.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007776 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THA DS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền